

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1205/TTr-SNN ngày 23/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính và phê duyệt 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường như sau:

1. Công bố 03 thủ tục hành chính, trong đó: 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 01 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 02 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I
Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Nông nghiệp
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Cấp tỉnh			
1	Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Nông nghiệp	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
B. Cấp xã			
1	Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Nông nghiệp	- Cơ quan giải quyết: Cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Nông nghiệp	- Cơ quan giải quyết: Phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc UBND cấp xã. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. CẤP TỈNH

I. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (*chủ đầu tư*) đăng tải tuyển chọn đơn vị chủ trì liên kết trên báo hoặc đài phát thanh truyền hình hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

b) Bước 2: Khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với phòng, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết. Trên cơ sở khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã. Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La và bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

- Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến) về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết theo quy định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết. Thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (trường hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường không phải cơ quan, đơn vị được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất); đại diện lãnh đạo sở Tài chính và các sở, ban,

ngành lĩnh vực chuyên môn và các chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. Nếu đủ điều kiện, Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định sau 02 ngày họp thẩm định.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, sau 03 ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho đơn vị chủ trì liên kết biết và nêu rõ lý do.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Trong thời gian 02 ngày làm việc sau khi Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị theo Mẫu số 01.

- Dự án, kế hoạch liên kết theo Mẫu số 02.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 03.

- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo Mẫu số 04.

- Bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị theo Mẫu số 01.

- Dự án, kế hoạch liên kết theo Mẫu số 02.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 03.

- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo Mẫu số 04.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương, nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Không gây ô nhiễm môi trường.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản

xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Mẫu số 01: Đơn đăng ký về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN, KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 202.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất
liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi:

(Tên cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ liên kết)

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị (tên cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ liên kết).

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

3. Địa bàn thực hiện:

4. Quy mô dự án, kế hoạch:

5. Tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước).....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm)

III. CAM KẾT: (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO: (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm) ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Dự án, kế hoạch liên kết
TÊN CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 202.....

TÊN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

.....

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:E-mail

2. Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết

4. Mức đóng góp đối ứng của đơn vị chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

d) Mức đóng góp đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

d) Mức đóng góp đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(kèm theo bản sao công chứng hợp đồng liên kết hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết)

3. Đơn vị tham gia liên kết thứ:

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng nông dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia liên kết

Tổng số hộ tham gia dự án:..... hộ, trong đó: Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số hộ chiếm...%; số hộ nghèo..... hộ, số hộ cận nghèo hộ và hộ dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã, bản đặc biệt khó khăn ... hộ (có danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết ở Phụ lục số ... kèm theo)

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể: Sau khi dự án đi vào hoạt động tạo việc làm cho lao động địa phương; mức thu nhập trung bình của các hộ dân tham gia dự án từ mức triệu đồng tăng lên khoảng triệu đồng/hộ theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án, góp phần tăng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất... trong vùng giữa người dân và doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ nguyên liệu mang tính

bền vững, xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội chung của huyện, tỉnh

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô:

- Địa điểm: Thực hiện dự án trên địa bàn xã... trên địa bàn các xã.... tổng số bản tham gia thực hiện....bản.

- Quy mô: Tổng số hộ tham gia trên địa bàn xãtham gia liên kết, trong đó bản A, xã B...hộ, bản C, xã D...hộ....

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

a) Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ.

b) Tổng kinh phí thực hiện và dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch.

c) Các chỉ số đầu ra gắn với mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch.

d) Nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức chi phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phân đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đề xuất chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

2. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ và đầu mối thực hiện mua sắm đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Hiệu quả kinh tế

2. Hiệu quả môi trường

3. Hiệu quả xã hội

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết.

Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Dự kiến các rủi ro (nếu có), giải pháp tài chính xử lý các rủi ro và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Bảng thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:.....

2. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ.....

(thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết

2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết

3. Quy mô liên kết

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch.

2. Số vốn đề nghị hỗ trợ.

3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ trì dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05: Quyết định phê duyệt dự án Hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Dự án hỗ trợ****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, về
Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm
vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính,
quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023
của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ
nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai*

đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-SNNMT ngày..... /.../2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ....., với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án liên kết

Dự án hỗ trợ

2. Chủ đầu tư:

3. Đơn vị Chủ trì liên kết

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ:

4. Các bên tham gia liên kết

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ:

5. Thời gian triển khai:

6. Địa bàn thực hiện:

7. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

8. Nội dung hoạt động chính:

9. Trách nhiệm thực hiện của các bên

a) Chi cục Phát triển nông thôn:

b) Chủ trì liên kết:

c) Các hộ dân tham gia dự án:

10. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

b) Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ

.....

c) Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ

.....

11. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án

a) Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

.....

b) Dự kiến kết quả thực hiện đến thời điểm kết thúc dự án

.....

12. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm giống cây trồng, vật tư đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

.....
13. Nội dung và chi phí nhà nước hỗ trợ cho hộ gia đình tham gia dự án

.....
14. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ

.....
15. Phương án xử lý các rủi ro

.....
16. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Chế tài xử lý

.....
 b) Cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi kết thúc dự án

.....
Điều 2. Tổ chức thực hiện

.....
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 07. Thông báo kết quả thẩm định (trường hợp hồ sơ không đạt)

UBND
CƠ QUAN TIẾP NHẬN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

Sơn La, ngày ... tháng ... năm 2025

THÔNG BÁO**Kết quả thẩm định hồ sơ dự án Hỗ trợ**

Ngày .../.../....., Cơ quan tiếp nhận đã nhận được hồ sơ dự án Hỗ trợ của Là chủ trì liên kết.

Ngày .../.../....., Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND đã tổ chức họp đánh giá hồ sơ dự án Hỗ trợ

Sau khi tổng hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND thông báo đến đơn vị đăng ký Chủ trì dự án một số nội dung sau:

1. Tên dự án liên kết

Dự án Hỗ trợ

2. Đơn vị đăng ký Chủ trì dự án liên kết:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

3. Kết quả của thẩm định

Qua tổng hợp hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, kết quả như sau:

- Tại Vòng 1 có

- Tại Vòng 2 có

(Có Biên bản họp Hội đồng thẩm định gửi kèm theo).

4. Lý do không hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt

.....

Nơi nhận:

- Đơn vị;

-

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

B. CẤP XÃ

I. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (*chủ đầu tư*) đăng tải tuyển chọn đơn vị chủ trì liên kết trên báo hoặc đài phát thanh truyền hình hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

b) Bước 2: Khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết. Trên cơ sở khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã. Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh về Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La và bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

- Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến) về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chuyển hồ sơ về cơ quan, đơn vị cấp xã được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để giải quyết theo quy định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất, cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết. Thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Nếu đủ điều kiện, Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định sau 02 ngày họp thẩm định.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, sau 03 ngày họp Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho đơn vị chủ trì biết và nêu rõ lý do.

d) Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Trong thời gian 02 ngày làm việc sau khi Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định; cơ quan, đơn vị cấp xã được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trình phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị theo Mẫu số 01.

- Dự án, kế hoạch liên kết theo Mẫu số 02.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 03.

- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo Mẫu số 04.

- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị theo Mẫu số 05

- Bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết: Cơ quan, đơn vị cấp xã được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã quyết

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản thông báo của Cơ quan, đơn vị cấp xã được giao quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gửi đơn vị chủ trì biết và nêu rõ lý do.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị theo Mẫu số 01.

- Dự án, kế hoạch liên kết theo Mẫu số 02.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 03.

- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo Mẫu số 04.

- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ liên kết theo mẫu 05

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, sử dụng đất, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương, nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Không gây ô nhiễm môi trường.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa

đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Mẫu số 01: Đơn đăng ký về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN, KẾ HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 202.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất
liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi:

(Tên cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ liên kết)

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax: E-mail

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị (tên cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ liên kết).

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

3. Địa bàn thực hiện:

4. Quy mô dự án, kế hoạch:

5. Tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước).....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm)

III. CAM KẾT: (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO: (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Dự án, kế hoạch liên kết
TÊN CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 202.....

TÊN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

.....

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail

2. Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết

4. Mức đóng góp đối ứng của đơn vị chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail

b) Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

d) Mức đóng góp đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Bản sao (công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

d) Mức đóng góp đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(kèm theo bản sao công chứng hợp đồng liên kết hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết)

3. Đơn vị tham gia liên kết thứ:

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng nông dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia liên kết

Tổng số hộ tham gia dự án:..... hộ, trong đó: Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số hộ chiếm...%; số hộ nghèo..... hộ, số hộ cận nghèo hộ và hộ dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã, bản đặc biệt khó khăn ... hộ (có danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết ở Phụ lục số ... kèm theo)

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể: Sau khi dự án đi vào hoạt động tạo việc làm cho lao động địa phương; mức thu nhập trung bình của các hộ dân tham gia dự án từ mức triệu đồng tăng lên khoảng triệu đồng/hộ theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án, góp phần tăng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất... trong vùng giữa người dân và doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ nguyên liệu mang tính

bền vững, xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội chung của huyện, tỉnh

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô:

- Địa điểm: Thực hiện dự án trên địa bàn các xã.... tổng số bản tham gia thực hiện....bản.

- Quy mô: Tổng số hộ tham gia trên địa bàn xãtham gia liên kết, trong đó bản A, xã B...hộ, bản C, xã D...hộ....

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

2. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

a) Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ.

b) Tổng kinh phí thực hiện và dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch.

c) Các chỉ số đầu ra gắn với mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch.

d) Nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức chi phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phân đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đề xuất chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

2. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ và đầu mối thực hiện mua sắm đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Hiệu quả kinh tế

2. Hiệu quả môi trường

3. Hiệu quả xã hội

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết.

Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Dự kiến các rủi ro (nếu có), giải pháp tài chính xử lý các rủi ro và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Bảng thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:.....

2. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Tên đơn vị tham gia liên kết thứ.....

(thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết

2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết

3. Quy mô liên kết

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch.

2. Số vốn đề nghị hỗ trợ.

3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ trì dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05: Quyết định phê duyệt dự án Hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Dự án hỗ trợ****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, về
Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm
vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính,
quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023
của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ*

nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của trưởng phòng Chuyên môn được giao tại Tờ trình số/TTr- ngày..... /.../2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ....., với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án liên kết

Dự án hỗ trợ

2. Chủ đầu tư:

3. Đơn vị Chủ trì liên kết

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ:

4. Các bên tham gia liên kết

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ:

5. Thời gian triển khai:

6. Địa bàn thực hiện:

7. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

8. Nội dung hoạt động chính:

9. Trách nhiệm thực hiện của các bên

a) Chi cục Phát triển nông thôn:

b) Chủ trì liên kết:

c) Các hộ dân tham gia dự án:

10. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

b) Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ

.....

c) Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ

.....

11. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án

a) Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

.....

b) Dự kiến kết quả thực hiện đến thời điểm kết thúc dự án

.....

12. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm giống cây trồng, vật tư đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

.....
13. Nội dung và chi phí nhà nước hỗ trợ cho hộ gia đình tham gia dự án

.....
14. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ

.....
15. Phương án xử lý các rủi ro

.....
16. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Chế tài xử lý

.....
b) Cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi kết thúc dự án

.....
Điều 2. Tổ chức thực hiện

.....
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND xã/phường.....;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND xã/phường
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND xã/phường ...;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 07. Thông báo kết quả thẩm định (trường hợp hồ sơ không đạt)

UBND
CƠ QUAN TIẾP NHẬN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

Sơn La, ngày ... tháng ... năm 2025

THÔNG BÁO**Kết quả thẩm định hồ sơ dự án Hỗ trợ**

Ngày .../.../....., Cơ quan tiếp nhận đã nhận được hồ sơ dự án Hỗ trợ của Là chủ trì liên kết.

Ngày .../.../....., Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND đã tổ chức họp đánh giá hồ sơ dự án Hỗ trợ

Sau khi tổng hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND thông báo đến đơn vị đăng ký Chủ trì dự án một số nội dung sau:

1. Tên dự án liên kết

Dự án Hỗ trợ

2. Đơn vị đăng ký Chủ trì dự án liên kết:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

3. Kết quả của thẩm định

Qua tổng hợp hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, kết quả như sau:

- Tại Vòng 1 có

- Tại Vòng 2 có

(Có Biên bản họp Hội đồng thẩm định gửi kèm theo).

4. Lý do không hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt

.....

Nơi nhận:

- Đơn vị

-

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

II. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

b) Bước 2: Xây dựng dự án, phương án sản xuất cộng đồng

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án sản xuất cộng đồng

- Cộng đồng dân cư nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để trình Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Nếu đủ điều kiện, Tổ thẩm định ban hành báo cáo thẩm định sau 02 ngày họp thẩm định.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, sau 03 ngày họp thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản gửi thông báo cho cộng đồng dân cư biết và nêu rõ lý do.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất cộng đồng

- Căn cứ Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, trong thời gian 05 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 05.
- Biên bản họp cộng đồng theo Mẫu số 06.
- Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 07.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận được hồ sơ)*.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết: Phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc UBND cấp xã.

- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản thông báo của UBND cấp xã để thông báo cho cộng đồng dân cư biết và nêu rõ lý do.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 5.
- Biên bản họp cộng đồng theo Mẫu số 6.
- Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 7.
- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo mẫu 08

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP *(sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)*.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy

định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, sử dụng đất, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương, nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Không gây ô nhiễm môi trường.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Mẫu số 05: Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 202.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Kính gửi: UBND cấp xã

Cộng đồng dân cư:.....

Người đại diện theo ủy quyền:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định tạithuộc chương trình mục tiêu quốc gia..... (tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND cấp xã.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Nội dung dự án/phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ.....

2. Địa bàn thực hiện:.....

3. Quy mô:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung.....

2. Hỗ trợ nội dung.....

3.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:

(chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ).....

III. CAM KẾT

1. Tính chính xác về những thông tin nêu trên.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật có liên quan.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO

(liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06: Biên bản họp cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 202.....

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm, tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự họp

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Đại diện UBND xã và các thành phần tham gia (nêu rõ các thành phần tham gia....., số lượng, đối tượng tham gia).

2. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án
- Thảo luận điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia dự án.
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

(Kèm theo danh sách hộ tham gia).

3. Tổ chức thực hiện

.....
Cuộc họp đã kết thúc vào... giờ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký cuộc họp

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện các cơ
quan khác**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện các cơ
quan khác**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các hộ dân

(Ký, ghi rõ họ tên)

Danh sách các đối tượng tham gia dự án cộng đồng

TT	Họ tên người đại diện hộ tham gia dự án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện (HN, HCN, HMTN, khác)...	Lao động trong độ tuổi (Người)	Nội dung đăng ký hỗ trợ (Ghi cụ thể nội dung hỗ trợ)	Đối ứng của hộ (Ghi rõ đối ứng bằng tiền hoặc hiện vật)	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (Triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc dấu tay điểm chỉ

Mẫu số 07: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 202.....

DỰ ÁN:.....**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN****1. Đại diện cộng đồng dân cư**

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số CMND hoặc CCCD:.....
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Địa bàn thực hiện:.....

(Các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huyện nghèo và các xã còn lại).

3. Đối tượng tham gia

- Số lượng hộ gia đình tham gia dự án:.....

(Phân theo từng loại đối tượng được quy định theo các chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn do cộng đồng bình chọn)...

4. Mục tiêu dự án**4.1. Mục tiêu chung.....**

4.2. Mục tiêu cụ thể: giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm số hộ nghèo.....

5. Thời gian triển khai thực hiện dự án (nhưng không quá 3 năm):

Năm.....

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Các hoạt động dự án (căn cứ các nội dung hỗ trợ để xây dựng các hoạt động của dự án)

2. Kinh phí thực hiện dự án

Tổng chi phí dự án, kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên

3. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có)

4. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng một phần vốn trong cộng đồng (nếu có)

- Tỷ lệ hoặc mức quay vòng vốn hoặc hiện vật.
- Hình thức, trình tự luân chuyển.
- Cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển.

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC DỰ ÁN

1. Hiệu quả xã hội

2. Hiệu quả kinh tế

3. Khả năng nhân rộng

4. Kết quả đầu ra sản phẩm của dự án

5. Hiệu quả khác (nếu có)

IV. CHẾ TÀI XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP VI PHẠM CAM KẾT (NẾU CÓ)

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp chủ đầu tư, cộng đồng dân cư và các đối tượng khác tham gia dự án vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tiến độ thời gian thực hiện; trách nhiệm của cộng đồng dân cư và các bên có liên quan

VII. CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Ngoài các nội dung nêu trên, đại diện cộng đồng xây dựng dự án có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án và phù hợp với điều kiện thực tế; các kiến nghị đề xuất có liên quan.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08: Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, về
Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm
vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính,
quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023
của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ
nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai*

đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của trưởng phòng Chuyên môn được giao tại Tờ trình số/TTr- ngày..... /.../2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ....., với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án

Dự án hỗ trợ

2. Chủ đầu tư:

3. Đơn vị Chủ trì

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ:

3. Thời gian triển khai:

4. Địa bàn thực hiện:

5. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

6. Nội dung hoạt động chính:

7. Trách nhiệm thực hiện của các bên

a) Chi cục Phát triển nông thôn:

b) Chủ trì liên kết:

c) Các hộ dân tham gia dự án:

8. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

b) Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ

.....

c) Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ

.....

9. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án

a) Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

.....

b) Dự kiến kết quả thực hiện đến thời điểm kết thúc dự án

.....

10. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm giống cây trồng, vật tư đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

.....

11. Nội dung và chi phí nhà nước hỗ trợ cho hộ gia đình tham gia dự án

.....

12. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ

.....

13 Phương án xử lý các rủi ro

.....

14. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Chế tài xử lý

.....

b) Cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi kết thúc dự án

.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

.....

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND xã/phường....;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND xã/phường
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND xã/phường ...;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Mẫu 07. Thông báo kết quả thẩm định (trường hợp hồ sơ không đạt)

UBND
CƠ QUAN TIẾP NHẬN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

Sơn La, ngày ... tháng ... năm 2025

THÔNG BÁO**Kết quả thẩm định hồ sơ dự án Hỗ trợ**

Ngày .../.../....., Cơ quan tiếp nhận đã nhận được hồ sơ dự án Hỗ trợ của Là chủ trì liên kết.

Ngày .../.../....., Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND đã tổ chức họp đánh giá hồ sơ dự án Hỗ trợ

Sau khi tổng hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số .../QĐ-UBND thông báo đến đơn vị đăng ký Chủ trì dự án một số nội dung sau:

1. Tên dự án liên kết

Dự án Hỗ trợ

2. Đơn vị đăng ký Chủ trì dự án liên kết:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

3. Kết quả của thẩm định

Qua tổng hợp hợp Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng, kết quả như sau:

- Tại Vòng 1 có

- Tại Vòng 2 có

(Có Biên bản họp Hội đồng thẩm định gửi kèm theo).

4. Lý do không hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt

.....

Nơi nhận:

- Đơn vị;

-

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

Phụ lục II
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp thuộc phạm vi
chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH

1. Tên TTHC: Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày làm việc.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>Scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Lãnh đạo Phòng Kinh tế hợp tác, Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Kinh tế	Dự thảo văn bản (<i>gửi các cơ quan có liên quan đề xuất thành viên và dự</i>)	01 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		hợp tác	<i>thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định thành lập HĐTD cấp tỉnh</i>	
		Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến ký duyệt	1/4 ngày
B3	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng Kinh tế hợp tác	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo QĐ thành lập HĐTD...)	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>Scan</i>)	1/4 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh (<i>thành lập HĐTD cấp tỉnh</i>)			02 ngày
B6	Thẩm định hồ sơ	Hội đồng thẩm định làm việc	Biên bản của Hội đồng thẩm định và Báo cáo thẩm định	10 ngày
B7	Tiếp nhận, xử lý kết quả của HĐTD	Chuyên viên phòng Kinh tế hợp tác	Dự thảo tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	1/2 ngày
		Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC tỉnh	Chuyên viên phòng Kinh tế hợp tác	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết</i>)	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả (<i>scan Quyết định</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

1. Tên TTHC: Hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày làm việc

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Kèm theo scan hồ sơ (<i>scan hồ sơ</i>)	1/4 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo Tờ trình, QĐ thành lập HĐTD của UBND cấp xã</i>)	03 ngày
		Lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Ý kiến xét duyệt, trình ký duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt QĐ thành lập HĐ	Lãnh đạo UBND cấp xã	QĐ thành lập HĐTD	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Thành viên trong hội đồng TĐ	Báo cáo thẩm định	10 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng TĐ	Chuyên viên cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND cấp xã</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Ý kiến xét duyệt	01 ngày
B6	Ký duyệt dự án, kế hoạch liên kết	Lãnh đạo UBND cấp xã	Quyết định phê duyệt	02 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên cơ quan, đơn vị quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Vào sổ, phát hành văn bản	1/2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trả kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

2. Tên TTHC: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

- Thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày làm việc

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo Tờ trình, QĐ thành lập TTĐ</i>)	03 ngày
		Lãnh đạo cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã	Ý kiến xét duyệt, trình ký duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt QĐ thành lập HĐ	Lãnh đạo UBND cấp xã	QĐ thành lập TTĐ	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Thành viên trong Tổ thẩm định	Báo cáo thẩm định	10 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tiếp nhận, xử lý kết quả của tổ thẩm định	Chuyên viên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình và dự thảo Quyết định</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Ký duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư	Chủ tịch UBND cấp xã	Quyết định phê duyệt	2,5 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất	Vào sổ, phát hành văn bản	1/2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trả kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày